

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số: 797.1/HĐ-CĐM**

*Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc  
cho Công ty than Mạo Khê – TKV*

- Căn cứ Bộ luật dân sự và Luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Hợp đồng số 797/HĐ-TMK-KH ngày 14/6/2023 giữa Công ty than Mạo Khê - TKV với Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật an toàn công nghiệp;

Căn cứ nhu cầu, chức năng, quyền hạn và khả năng của hai bên.

*Hôm nay, ngày 16 tháng 6 năm 2023, chúng tôi gồm có:*

**1. Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp (Bên A)**

Đại diện: **Ông Tạ Minh Đức**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Tài khoản: 117000001684 Tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội

Mã số thuế: 0100792912

Điện thoại: 0243.9344.140

Fax: 0243.9360358

**2. Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ (Bên B)**

Đại diện là: **Ông Bùi Xuân Nam**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng N.01 nhà N, khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, tổ dân phố số 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Tài khoản: 113000000900 tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số thuế: 0100529622

Điện thoại: 0243. 868 1888

Fax: 0243. 868 1888

*Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:*

**Điều 1. Nội dung và giá trị hợp đồng**

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc “Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV”. Các hạng mục công việc cụ thể như sau:

- Khảo sát, thu thập tài liệu hiện trạng về điều kiện sản xuất kinh doanh, công tác an toàn vệ sinh lao động và công tác kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc của Công ty Than Mạo Khê – TKV.

- Nghiên cứu Tổng quan về công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và kiểm tra hiện trường nơi làm việc tại Việt Nam, trên thế giới và tại Công ty than Mạo Khê – TKV.

- Xây dựng Quy trình kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc cho Công ty Than Mạo Khê – TKV.

- Tổng hợp Báo cáo Xây dựng Quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty Than Mạo Khê – TKV.

## **2. Giá trị hợp đồng**

- Giá trị hợp đồng trước thuế: **310.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng chẵn).

- Giá trị hợp đồng sau thuế GTGT 10%: **341.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn).

(Trường hợp thuế suất thuế GTGT thay đổi, hai bên thống nhất thanh toán theo mức thuế mới theo giá trị thể hiện trên hóa đơn GTGT của bên B)

**3. Sản phẩm của hợp đồng:** Bộ tài liệu Quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV.

**4. Hình thức hợp đồng:** Trọn gói

## **Điều 2. Phương thức thanh toán**

Bên A thanh toán cho bên B đủ 100% giá trị thực hiện hợp đồng trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán gồm:

- Bộ tài liệu: Quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV.

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

- Hóa đơn theo quy định của Bộ tài chính.

## **Điều 3. Thời gian thực hiện**

Thời gian giao nộp dự thảo sản phẩm: Không quá 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ khi ký hợp đồng đến khi Hợp đồng số 797/HĐ-TMK-KH ngày 14/6/2023 giữa Công ty than Mạo Khê - TKV với Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật an toàn công nghiệp hoàn thành.

## **Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên**

### **1. Trách nhiệm của Bên A**

- Cung cấp cho Bên B đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu, giấy tờ liên quan để thực hiện công việc của Hợp đồng theo yêu cầu của bên B;

- Phối hợp chặt chẽ với Bên B để giải quyết kịp thời các công việc đã được hai bên thống nhất và các vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

- Thanh toán phí dịch vụ tư vấn cho Bên B theo đúng các quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.

### **2. Trách nhiệm của Bên B**

- Tuyệt đối giữ bí mật toàn bộ thông tin, dữ liệu và tài liệu đã thu thập được từ Bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng này. Bên B chỉ được phép cung cấp thông tin, dữ

liệu và tài liệu đó cho người khác hoặc đơn vị khác, khi và chỉ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên A.

- Tổ chức nhóm, tổ chuyên gia tư vấn và bố trí đầy đủ các chuyên gia có đủ năng lực chuyên môn, để thực hiện các công việc đã được hai bên thỏa thuận và thống nhất xác định tại Điều 1 của Hợp đồng.

- Yêu cầu bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin, tài liệu, hồ sơ, sổ sách và số liệu làm cơ sở chính yếu để thực hiện tốt nhất các công việc theo quy định tại Điều 1.

- Yêu cầu bên A hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khảo sát, xem xét tại nơi làm việc và thu thập thông tin cần thiết phục vụ cho các hoạt động phân tích, đánh giá chuẩn xác công tác quản lý an toàn tại khu sản xuất.

- Chịu trách nhiệm và đảm bảo chất lượng dịch vụ, đảm bảo cung cấp dịch vụ tư vấn đúng theo nội dung, chất lượng và tiến độ thực hiện.

- Thông báo cho bên A tiến độ thực hiện công việc.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động đối với cán bộ, công nhân viên của bên B khi tới Công ty than Mạo Khê - TKV để làm việc.

- Cùng Bên A hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, cấp hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định hiện hành khi kết thúc hợp đồng.

#### **Điều 5. Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, hai bên cùng bàn bạc để giải quyết. Việc thay đổi hoặc bổ sung nội dung, điều khoản hợp đồng chỉ được tiến hành thông qua thỏa thuận của hai bên và phải được lập thành văn bản dưới hình thức là một phụ lục hợp đồng không thể tách rời của hợp đồng này. Trường hợp không thỏa thuận giải quyết được thì sẽ thống nhất đề nghị Toà án kinh tế Thành phố Hà Nội phân định giải quyết, mọi chi phí phát sinh do việc đề nghị Toà án giải quyết sẽ do bên có lỗi chi trả.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Minh Đức*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**  
*GS.TS. Bùi Xuân Nam*

## BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ

Kèm theo Hợp đồng Số: 797.1/HĐ-CDM ký ngày 16/6/2023 về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV

| STT   | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                              | Thành tiền         | Ghi chú |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|
| 1     | <b>Tổ chức khảo sát, thu thập tài liệu hiện trạng về điều kiện sản xuất kinh doanh, công tác an toàn vệ sinh lao động và công tác kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc của Công ty Than Mạo Khê – TKV:</b> | <b>25.000.000</b>  |         |
| 2     | <b>Khái quát điều kiện sản xuất kinh doanh và công tác an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty than Mạo Khê – TKV:</b>                                                                                            | <b>10.000.000</b>  |         |
| 2.1   | Hiện trạng điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty Than Mạo Khê – TKV.                                                                                                                                        |                    |         |
| 2.2   | Quy định về quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Than Mạo Khê – TKV.                                                                                                                          |                    |         |
| 3     | <b>Tổng quan về công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và kiểm tra hiện trường nơi làm việc tại Việt Nam, trên thế giới và tại Công ty than Mạo Khê – TKV:</b>                                              | <b>24.000.000</b>  |         |
| 3.1   | Quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và kiểm tra hiện trường nơi làm việc.                                                                                                      |                    |         |
| 3.2   | Quy định về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và kiểm tra hiện trường nơi làm việc của một số nước trên thế giới.                                                                                               |                    |         |
| 4     | <b>Xây dựng Quy trình kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc cho Công ty Than Mạo Khê – TKV:</b>                                                                                                             | <b>230.000.000</b> |         |
| 4.1   | Những khái niệm cơ bản về kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc.                                                                                                                                            |                    |         |
| 4.2   | Xây dựng các bước kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc.                                                                                                                                                    |                    |         |
| 4.3   | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Công ty Than Mạo Khê – TKV.                                                                                            |                    |         |
| A     | <i>Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực mặt bằng.</i>                                                                                               |                    |         |
| 4.3.1 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Trạm cung cấp điện, trạm máy phát điện                                                                                 |                    |         |
| 4.3.2 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Xưởng sửa chữa                                                                                                         |                    |         |
| 4.3.3 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Trạm xử lý nước thải                                                                                                   |                    |         |

| STT    | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                        | Thành tiền | Ghi chú |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
| 4.3.4  | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực sàng tuyển than                                                                                                                          |            |         |
| 4.3.5  | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Nhà sấy giặt                                                                                                                                     |            |         |
| 4.3.6  | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực nhà kho chứa vật tư                                                                                                                      |            |         |
| 4.3.7  | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực mái ta luy (sườn tầng) lộ vĩa                                                                                                            |            |         |
| 4.3.8  | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Tuyến đường Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ kho dự trữ sang kho tiêu thụ và từ kho tiêu thụ đến các vị trí cấp phát ngoài mặt bằng, cửa lò |            |         |
| 4.3.9  | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực bãi thải                                                                                                                                 |            |         |
| 4.3.10 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực kho mìn                                                                                                                                  |            |         |
| 4.3.11 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực máy nén khí                                                                                                                              |            |         |
| 4.3.12 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực lò hơi                                                                                                                                   |            |         |
| 4.3.13 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực nhà bếp                                                                                                                                  |            |         |
| 4.3.14 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực văn phòng                                                                                                                                |            |         |
| B      | <i>Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực hầm lò</i>                                                                                                                            |            |         |
| 4.3.15 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực cửa lò                                                                                                                                   |            |         |
| 4.3.16 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực song loan, monoray chở người                                                                                                             |            |         |
| 4.3.17 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực tời giếng chính                                                                                                                          |            |         |
| 4.3.18 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an                                                                                                                                                                                            |            |         |

| STT    | Nội dung công việc                                                                                                                                                         | Thành tiền | Ghi chú |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
|        | toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>tời giếng phụ                                                                                                         |            |         |
| 4.3.19 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>đường đi lại (lò thượng, lò hạ, lò chợ, lò xuyên<br>vĩa,dọc vĩa...) |            |         |
| 4.3.20 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>khu vực lò chợ                                                      |            |         |
| 4.3.21 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>vận chuyển bằng tàu, đẩy goòng                                      |            |         |
| 4.3.22 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>sân ga                                                              |            |         |
| 4.3.23 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>lò thượng, lò hạ, lò xuyên vĩa, dọc vĩa, lò xén                     |            |         |
| 4.3.24 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>có máng cào hoạt động                                               |            |         |
| 4.3.25 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>có băng tải hoạt động                                               |            |         |
| 4.3.26 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>hoạt động của máy xúc                                               |            |         |
| 4.3.27 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>có tời trực hoạt động                                               |            |         |
| 4.3.28 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>có phễu rót than hoạt động                                          |            |         |
| 4.3.29 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>trạm điện                                                           |            |         |
| 4.3.30 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>hầm bơm                                                             |            |         |
| 4.3.31 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Khu vực<br>kho vật liệu nổ trong lò                                            |            |         |
| 4.3.32 | Xây dựng các Danh mục kiểm tra (check list) an<br>toàn hiện trường nơi làm việc áp dụng cho Hệ thống<br>PCCC trong lò                                                      |            |         |
| 4.4    | Xây dựng dự thảo quyết định ban hành quy trình<br>kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc tại Công<br>ty Than Mạo Khê – TKV (kèm theo Quy trình kiểm                     |            |         |

| STT | Nội dung công việc                                                                                           | Thành tiền         | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|
|     | tra an toàn hiện trường nơi làm việc).                                                                       |                    |         |
| 5   | <b>Tổng hợp Báo cáo Xây dựng Quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty Than Mạo Khê – TKV:</b> | <b>20.000.000</b>  |         |
| 6   | <b>In tài liệu, báo cáo</b>                                                                                  | <b>1.000.000</b>   |         |
| 7   | <b>TỔNG CHI PHÍ (= 1 + 2 + 3 + 4 + 5+6)</b>                                                                  | <b>310.000.000</b> |         |
| 8   | <b>THUẾ VAT 10% (= 10% x 7)</b>                                                                              | <b>31.000.000</b>  |         |
| 9   | <b>TỔNG CỘNG SAU THUẾ (= 7 + 8)</b>                                                                          | <b>341.000.000</b> |         |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ**

*(Hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường  
nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV)*

Căn cứ kết quả thực hiện hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp và Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV.

Hôm nay, ngày ... tháng 7 năm 2024, chúng tôi gồm:

**1. Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp (Bên A)**

Đại diện: **Ông Tạ Minh Đức** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Tài khoản: 117000001684 Tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội

Mã số thuế: 0100792912

Điện thoại: 0243.9344.140 Fax: 0243.9360358

**2. Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ (Bên B)**

Đại diện là: **Ông Nguyễn Anh Tuấn** Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách

Địa chỉ: Phòng N.01 nhà N, khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, tổ dân phố số 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Tài khoản: 113000000900 tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số thuế: 0100529622

Điện thoại: 0243. 868 1888 Fax: 0243. 868 1888

*Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp và Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV như sau:*

### Điều 1: Nội dung nghiệm thu

1. Bên A đã thực hiện đúng và đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023.
2. Bên B đã hoàn thành các nội dung công việc theo hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023.
3. Bên B đã bàn giao cho bên A các tài liệu

| STT | Nội dung                                                                                         | Số lượng | Chất lượng  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|
| 1   | Bộ tài liệu: Quy trình kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc cho Công ty Than Mạo Khê – TKV. | 06 Quyển | Đạt yêu cầu |

### Điều 2: Thanh quyết toán hợp đồng

- Giá trị nghiệm thu quyết toán: **338.040.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

- Giá trị đã tạm ứng: Không.

- Giá trị cần phải thanh toán trước thuế GTGT: **310.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng chẵn).

- Giá trị cần phải thanh toán sau thuế GTGT 8%: **334.800.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 sau khi hai bên hoàn thành các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH  
PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ**

*(Hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường  
nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV)*

Căn cứ kết quả thực hiện hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp và Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV.

Hôm nay, ngày ... tháng 7 năm 2024, chúng tôi gồm:

**1. Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp (Bên A)**

Đại diện: **Ông Tạ Minh Đức** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Tài khoản: 117000001684 Tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội

Mã số thuế: 0100792912

Điện thoại: 0243.9344.140

Fax: 0243.9360358

**2. Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ (Bên B)**

Đại diện là: **Ông Nguyễn Anh Tuấn** Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách

Địa chỉ: Phòng N.01 nhà N, khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, tổ dân phố số 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Tài khoản: 113000000900 tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số thuế: 0100529622

Điện thoại: 0243. 868 1888

Fax: 0243. 868 1888

*Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp và Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện – Mỏ về việc Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV như sau:*

### Điều 1: Nội dung nghiệm thu

1. Bên A đã thực hiện đúng và đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023.
2. Bên B đã hoàn thành các nội dung công việc theo hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023.
3. Bên B đã bàn giao cho bên A các tài liệu

| STT | Nội dung                                                                                         | Số lượng | Chất lượng  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|
| 1   | Bộ tài liệu: Quy trình kiểm tra an toàn hiện trường nơi làm việc cho Công ty Than Mạo Khê – TKV. | 06 Quyển | Đạt yêu cầu |

### Điều 2: Thanh quyết toán hợp đồng

- Giá trị nghiệm thu quyết toán: **338.040.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

- Giá trị đã tạm ứng: Không.

- Giá trị cần phải thanh toán trước thuế GTGT: **310.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng chẵn).

- Giá trị cần phải thanh toán sau thuế GTGT 8%: **334.800.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 797.1/HĐ-CĐM ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 sau khi hai bên hoàn thành các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

*Loa Minh Đức*

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

*PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn*



Mẫu số 1  
Ký hiệu: C24LCD  
Số: 5

# HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 16 tháng 07 năm 2024

MCCQT: 0098DDCC53E94748F686CF4905205543FB

Tên người bán: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ

Mã số thuế: 0100529622

Mã hồ sơ: 0157240000115

Địa chỉ: Phòng N.01 Nhà N Khu B, Trường Đại học Mỏ-Địa Chất, TDP 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 048681888 0978507414

Số tài khoản: 113000000900 Công thương CN Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tên người mua: TRUNG TÂM HỖ TRỢ KỸ THUẬT AN TOÀN CÔNG NGHIỆP

Họ tên người mua: Thang Hoàng Hà

Mã số thuế: 0100792912

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Bộ Công thương, số 655 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số tài khoản: 117000001684 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

| STT | Tính chất         | Tên hàng hóa, dịch vụ                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá     | Chiết khấu | Thuế suất | Thành tiền chưa có thuế GTGT |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------|------------|-----------|------------------------------|
| 1   | Hàng hóa, dịch vụ | Xây dựng quy trình kiểm tra hiện trường nơi làm việc cho Công ty than Mạo Khê – TKV (Theo Hợp đồng số: 797.1/HĐ-CĐM, ký ngày 15/6/2023) | gói         | 1        | 310.000.000 |            | 8%        | 310.000.000                  |

| Thuế suất | Tổng tiền chưa thuế | Tổng tiền thuế |
|-----------|---------------------|----------------|
| 8%        | 310.000.000         | 24.800.000     |

|                                                            |                                               |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Tổng tiền chưa thuế<br>(Tổng cộng thành tiền chưa có thuế) | 310.000.000                                   |
| Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)                       | 24.800.000                                    |
| Tổng tiền phí                                              | 0                                             |
| Tổng tiền chiết khấu thương mại                            | 0                                             |
| Tổng tiền thanh toán bằng số                               | 334.800.000                                   |
| Tổng tiền thanh toán bằng chữ                              | Ba trăm ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng |

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)